

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

	Tên doanh nghiệp	Tiêu chí 1				Tiêu chí 2								Tiêu chí 3					Tiêu chí 4 Xếp loại	Xếp loại doanh nghiệp
		Doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)			Xếp loại	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)		Vốn CSH bình quân (triệu đồng)		Tỷ suất LNST/vốn (%)			Xếp loại	Khả năng thanh toán nợ đến hạn			Nợ quá hạn (tr.đồng)	Xếp loại		
		Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Đạt tỷ lệ		Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch (tr.đồng)	Thực hiện (tr.đồng)	Kế hoạch	Thực hiện	Đạt tỷ lệ		Tài sản ngắn hạn (tr.đồng)	Nợ ngắn hạn (tr.đồng)	TSNH /Nợ NH (lần)				
I	Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
1	Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết tỉnh BR-VT	5.114.412	5.239.621	102,4%	A	647.040	710.967	610.000	610.000	106,1%	116,6%	109,9%	A	1.221.243	845.011	1,4	-	A	A	A
2	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp BR-VT	63.000	71.137	112,9%	A	12.380	12.394	46.115	44.120	26,8%	28,1%	104,6%	A	67.519	38.850	1,7	-	A	A	A
II	Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
3	Công ty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu	276.000	368.353	133,5%	A	81.000	117.010	279.201	301.527	29,0%	38,8%	133,8%	A	510.343	88.354	5,8		A	A	A
4	Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh BR-VT	350.000	346.741	99,1%	B	1.000	(46.693)	366.710	366.710	0,3%	-	Không đạt	C	447.924	542.982	0,8	100.110	C	B	C
5	Công ty CP Du lịch tỉnh BR-VT	84.600	83.118	98,2%	B	10.240	6.105	197.683	197.683	5,2%	3,1%	59,6%	C	137.706	22.127	6,2	14.052	C	B	C
6	Công ty CP Công trình giao thông tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	330.000	260.532	78,9%	C	2.000	2.184	88.178	88.995	2,3%	2,5%	108,2%	A	322.339	276.633	1,2		A	A	B
7	Công ty CP Cao su Thống Nhất	165.000	172.693	104,7%	A	33.000	40.410	293.174	298.333	11,3%	13,5%	120,3%	A	213.409	32.681	6,5	-	A	A	A
8	Công ty CP DV môi trường và Công trình đô thị Vũng Tàu	119.000	112.092	94,2%	B	10.000	8.670	86.773	84.869	11,5%	10,2%	88,6%	C	74.303	15.235	4,9	-	A	A	C
9	Công ty CP Dịch vụ đô thị Bà Rịa	144.000	157.229	109,2%	A	14.880	15.452	49.482	49.711	30,1%	31,1%	103,4%	A	95.517	56.357	1,7		A	A	A
III	Doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ không quá 50% Vốn điều lệ (Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh)																			
10	Công ty CP Cấp nước BR-VT	784.000	781.145	99,6%	B	245.000	254.722	984.857	1.035.772	24,9%	24,6%	98,9%	B	367.364	190.085	1,9	-	A	B	B
11	Công ty CP DV du lịch quốc tế tỉnh BR-VT	7.000	10.517	150,2%	A	800	1.251	350.000	350.000	0,2%	0,4%	156,4%	A	82.326	1.537	53,6		A	A	A
12	Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư phát triển đô thị huyện Long Điền	36.000	36.743	102,1%	A	2.300	2.343	18.242	18.242	12,6%	12,8%	101,9%	A	18.760	544	34,5	-	A	A	A
13	Công ty CP Phát triển công viên cây xanh và Đô thị Vũng Tàu	273.000	279.535	102,4%	A	15.000	6.547	51.445	54.804	29,2%	11,9%	41,0%	C	156.759	155.624	1,0	-	A	B	C
14	Công ty CP Dịch vụ đô thị Tân Thành	80.000	78.385	98,0%	B	6.400	6.441	24.838	21.307	25,8%	30,2%	117,3%	A	33.178	11.362	2,9	-	A	A	A

* **Ghi chú:** Chi tiêu 4: Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành.